

PHỤ LỤC
CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI DÂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2025 - 2030
(Ban hành kèm Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	TIÊU CHÍ CHÍNH/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
I. Đời sống kinh tế, thu nhập, việc làm (9)	
1	Chất lượng bữa ăn hàng ngày
2	Quần áo, trang phục trong sinh hoạt
3	Nhà ở và chất lượng nhà ở
4	Tiện nghi sinh hoạt trong gia đình
5	Phương tiện giao thông đi lại
6	Phương tiện nghe nhìn hiện đại (<i>Tivi, điện thoại thông minh, máy vi tính, mạng internet...</i>)
7	Việc làm và thu nhập ổn định bảo đảm cuộc sống lâu dài
8	Có tiền và tài sản để dành
9	Có khả năng, cơ hội tìm kiếm việc làm mới thu nhập cao hơn
II. Quan hệ gia đình, xã hội, cộng đồng dân cư (14)	
10	Sự hòa thuận gia đình
11	Sự chung thủy vợ chồng
12	Nền nếp gia đình, kính trên nhường dưới, có tôn ti trật tự
13	Sự hiếu thảo của con cháu đối với cha mẹ, ông bà
14	Anh chị em yêu thương, đùm bọc lẫn nhau
15	Con cháu ngoan ngoãn, lễ phép
16	Cha mẹ tôn trọng ý kiến của con cái
17	Quan hệ họ hàng
18	Quan hệ láng giềng
19	Quan hệ với cộng đồng dân cư (<i>thôn/tổ dân phố</i>)
20	Quan hệ với chính quyền địa phương
21	Quan hệ nơi làm việc

STT	TIÊU CHÍ CHÍNH/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
22	Quan hệ bạn bè
23	Vị thế/địa vị bản thân trong gia đình, dòng họ, cộng đồng
III. Dịch vụ xã hội, dịch vụ thiết yếu (16)	
24	Khả năng tiếp cận dịch vụ y tế (<i>thuận tiện, chi phí hợp lý</i>)
25	Cơ sở vật chất, thiết bị y tế khám chữa bệnh
26	Chất lượng khám chữa bệnh của đội ngũ y bác sĩ
27	Tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ bác sỹ, nhân viên y tế
28	Khả năng tiếp cận giáo dục (<i>trẻ em đi học đúng độ tuổi, không bỏ học, người lớn có cơ hội học tập suốt đời</i>)
29	Cơ sở vật chất của trường học phục vụ việc học tập
30	Các khoản đóng góp khi học sinh đến trường (<i>học phí, xây dựng trường lớp, quỹ phụ huynh...</i>)
31	Môi trường học đường (<i>trẻ em được đối xử bình đẳng, không phân biệt, không có bạo lực ở trường học...</i>)
32	Chất lượng đội ngũ giáo viên (<i>tận tâm, chuyên môn cao, phương pháp giảng dạy khoa học, hiệu quả</i>)
33	Chất lượng, chi phí, tính sẵn có của dịch vụ điện sinh hoạt
34	Chất lượng, chi phí, tính sẵn có của dịch vụ nước sạch
35	Chất lượng, chi phí, tính thuận tiện của dịch vụ giao thông và hạ tầng giao thông
36	Chất lượng, chi phí, tính sẵn có của dịch vụ bưu chính viễn thông
37	Chất lượng, chi phí, tính sẵn có của dịch vụ ngân hàng, tín dụng
38	Chất lượng, chi phí, tính sẵn có của dịch vụ vui chơi giải trí
39	Chất lượng, chi phí, khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý công
IV. Văn hóa - Môi trường văn hóa (8)	
40	Việc duy trì, phát triển công viên cây xanh, khu vui chơi trẻ em, sân tập thể thao, nhà văn hóa ở thôn, bản, khu dân cư (<i>các thiết chế văn hóa tại khu dân cư</i>)
41	Việc người dân tham gia các hội nhóm, câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tại cộng đồng...
42	Việc người dân tự do lựa chọn đức tin, thực hành đức tin thông qua các nghi lễ, phong tục, lễ hội...

STT	TIÊU CHÍ CHÍNH/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
43	Việc phát huy giá trị tín ngưỡng, tôn giáo giúp tăng cường đoàn kết cộng đồng của các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, người có uy tín trong cộng đồng
44	Thời gian và chi phí cho việc đi tham quan, du lịch của bản thân và gia đình
45	Niềm tin vào con người, xã hội của bản thân
46	Nhà nước và cộng đồng dân cư chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người dân
47	Việc tiếp thu các loại hình văn hóa nghệ thuật mới đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân
V. Hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước (8)	
48	Cán bộ, công chức tiếp nhận, lắng nghe ý kiến, kiến nghị của nhân dân
49	Chính quyền địa phương công khai thông tin, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân
50	Thái độ làm việc, ý thức phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức cấp xã
51	Giải quyết khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện của người dân
52	Chính quyền địa phương liêm chính, trung thực và thực hiện trách nhiệm giải trình trong hệ thống chính quyền và trước nhân dân
53	Chất lượng dịch vụ hành chính công (<i>nhANH chóng, thuận lợi, thân thiện...</i>)
54	Việc ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ trực tuyến trong dịch vụ hành chính công.
55	Điều kiện trang thiết bị của trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã thuận tiện cho người dân đến giải quyết các thủ tục hành chính (<i>bàn ghế, biển báo, hướng dẫn...</i>)
VI. Chất lượng cuộc sống, môi trường sống (12)	
56	Sức khỏe thể chất
57	Sức khỏe tinh thần
58	Đời sống vật chất, tinh thần
59	Không gian, cảnh quan môi trường xung quanh nơi ở, nơi làm việc
60	Chất lượng không khí, ánh sáng nơi sinh sống, làm việc

STT	TIÊU CHÍ CHÍNH/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
61	Chất lượng nước sinh hoạt
62	Công viên, cây xanh khu vực giải trí công cộng
63	Nguồn nước tự nhiên (<i>ao, hồ, sông, suối</i>) không bị ô nhiễm
64	Việc xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt, sản xuất, chăn nuôi
65	Điện chiếu sáng nơi công cộng
66	Vệ sinh an toàn thực phẩm tại địa phương
67	Cảm giác yên ổn, an toàn, bình yên trong cuộc sống
VII. Chính sách hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước (9)	
68	Hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát (chính sách về nhà ở)
69	Hỗ trợ phát triển sản xuất và quảng bá, tiêu thụ sản phẩm
70	Đào tạo nghề và giải quyết việc làm
71	Hỗ trợ vay vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo
72	Chính sách hỗ trợ người cao tuổi, phụ nữ mang thai, nuôi con nhỏ, người khuyết tật...
73	Hỗ trợ học sinh các trường dân tộc nội trú, bán trú, xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
74	Chăm sóc sức khỏe nhân dân các dân tộc thiểu số (<i>khám chữa bệnh, tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng...</i>)
75	Tư vấn, trợ giúp pháp lý về sản xuất – kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã
76	Tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho người dân
VIII. Thực hiện dân chủ và vai trò của các tổ chức đại diện (8)	
77	Người dân được tham gia bàn bạc, giám sát và quyết định những vấn đề tại cộng đồng dân cư
78	Người dân được tự do tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao tại cộng đồng
79	Người dân được tự do tham gia ủng hộ các loại quỹ tại địa phương (<i>phòng chống lụt bão, xóa nhà tạm, nhà dột nát, từ thiện nhân đạo...</i>)
80	Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội có tiếng nói bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên và người dân
81	Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia hỗ trợ đoàn viên, hội viên và người dân phương thức làm ăn phát triển kinh tế

STT	TIÊU CHÍ CHÍNH/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
82	Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia hỗ trợ vật chất, tinh thần cho các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người yếu thế trong cộng đồng
83	Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội có tiếng nói lên án các tổ chức, cá nhân vi phạm quyền con người, bảo vệ phụ nữ và trẻ em trước hành vi xâm hại, bạo lực.
84	Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, quy chế dân chủ cơ sở tại địa phương, cộng đồng.
IX. Trật tự, an ninh, an toàn xã hội (10)	
85	Về trật tự xã hội (<i>liên quan đến hiện tượng gây rối trật tự công cộng; đánh bạc, tổ chức đánh bạc; giết người, cố ý gây thương tích; cướp giật, trộm cắp tài sản chống người thi hành công vụ...</i>)
86	An toàn của phụ nữ và người dân khi ra đường vào ban đêm, an toàn của trẻ em khi đến trường hoặc nơi vui chơi giải trí.
87	An toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn
88	Phòng chống tội phạm công nghệ cao, lừa đảo qua mạng xã hội (<i>giả danh công an, bưu điện, điện lực, ngân hàng, cộng tác viên bán hàng online...</i>)
89	Về phòng chống tội phạm buôn bán người qua biên giới (<i>phụ nữ và trẻ em</i>)
90	Về phòng chống tội phạm tham nhũng, lãng phí, hối lộ
91	Về phòng chống tội phạm ma túy
92	Phòng chống tội phạm sản xuất, tiêu thụ hàng giả, thực phẩm bẩn, hàng hóa kém chất lượng (<i>thuốc giả, sữa giả...</i>)
93	An ninh ở khu dân cư, thôn, bản đồng bào các dân tộc thiểu số
94	Sự tham gia của người dân đối với vấn đề an ninh, an toàn tại cơ sở

Tổng cộng 09 tiêu chí chính và 94 tiêu chí thành phần.
